TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNST
Ngày: 31/01/2023
Vv: "Xin ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu
Các Hội thẩm nhân dân:
1/Ông Trừ Trung Tín
2/Ông Trương Văn Ánh
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: không tham gia phiên tòa

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 285/2022/TLST – HNGĐ ngày 24/11/2022. Về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 04/2023/QĐST – HN, ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm K, sinh năm 1992 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ A, khóm T, thị trấn T, huyện B, Vĩnh Long.
- Bị đơn: Anh Tăng Tuấn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ B, khóm T, Thị trấn T, huyện B, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 16/11/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm K trình bày:

Vào năm 2009, chị Nguyễn Thị Diễm K và anh Tăng Tuấn T cưới nhau, hôn nhân do quen biết, tìm hiểu trước và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý, không có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Quới, huyện B, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2013.

Sau khi cưới vợ chồng về sống tại ấp T, xã T nay là thị trấn T, huyện B, Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được 2 năm có sinh được 1 con chung tên Tăng Gia M, sinh ngày 11/8/2009. Hiện cháu M đang sống với anh T.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc tuy nhiên về sau vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên bất

đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống dẫn đến thường hay gây gỗ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần khuyên bảo nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Hiện vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm K xin ly hôn anh Tăng Tuấn T.

Về con chung: cháu Tăng Gia M, sinh ngày 11/8/2009. chị K yêu cầu giải quyết cho anh T được quyền nuôi dưỡng con chung. Chị K không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên toà hôm nay:

* Chị Nguyễn Thị Diễm K yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm K xin ly hôn với anh Tăng Tuấn T.

Về con chung: cháu Tăng Gia M, sinh ngày 11/8/2009. chị K yêu cầu giải quyết cho anh T được quyền nuôi dưỡng con chung. Chị K không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

[2]Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử anh Tăng Tuấn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định xét xử vắng mặt anh Tăng Tuấn K1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, chị Nguyễn Thị Diễm K và anh Tăng Tuấn T cưới nhau, hôn nhân do quen biết, có tìm hiểu trước và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý, không có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết

hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Quới, huyện B, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2013 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm sống dẫn đến gây gỗ với nhau. Vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị K không còn mong muốn cùng anh T xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị K cương quyết ly hôn. Xét yêu cầu của chị K là có cơ sở nên áp dụng vào Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị K. Chị Nguyễn Thị Diễm K được ly hôn anh Tăng Tuấn T

[4]Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm K và anh Tăng Tuấn T chung sống với nhau có sinh 1 con chung tên Tăng Gia M, sinh ngày 11/8/2009. Hiện cháu M đang sống với anh T. Chị K yêu cầu cho anh T được quyền nuôi dưỡng con chung. Chị K không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh T đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu M. Để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập không bị thay đổi nên để anh T tiếp tục nuôi con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu M. Xét yêu cầu của chị K là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đinh năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị K. anh Tăng Tuấn T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Tăng Gia M, sinh ngày 11/8/2009, chị K không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Diễm K được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị K không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị K.

[5]Về quan hệ tài sản và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai. Chị Nguyễn Thị Diễm K không tranh chấp nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị Diễm K nộp 300.000 đồng, chị K được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013929 ngày 20/11/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Diễm K.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm K được ly hôn anh Tăng Tuấn T.

2/Về con chung: anh Tăng Tuấn T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Tăng Gia M, sinh ngày 11/8/2009, chị K không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Diễm K được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị K không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị K.

[3]Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Diễm K nộp 300.000 đồng, chị K được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013929 ngày 20/11/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Tăng Tuấn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND thị trấn Tân Quới, Huyên Bình Tân, Vĩnh Long
- các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thành Tựu